

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 89/2003/NĐ-CP ngày 05/8/2003 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ Bảo hiểm xã hội đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ Quân đội nhân dân và Công an nhân dân ban hành kèm theo Nghị định số 45/CP ngày 15/7/1995 của Chính phủ.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam năm 1999;

Căn cứ Bộ Luật Lao động năm 1994 đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật Lao động ngày 02 tháng 4 năm 2002;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ Bảo hiểm xã hội đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ Quân đội nhân dân và Công an nhân dân ban hành kèm theo Nghị định số 45/CP ngày 15 tháng 7 năm 1995 của Chính phủ như sau:

1. Sửa đổi khoản 2 Điều 6 như sau:

"Quân nhân, công an nhân dân có con (kể cả con nuôi theo quy định tại Luật Hôn nhân và gia đình) dưới 7 tuổi bị ốm đau, có xác nhận của tổ chức y tế do Bộ Y tế quy định, phải nghỉ việc để chăm sóc con ốm đau, thì được hưởng

trợ cấp bảo hiểm xã hội. Những trường hợp con bị ốm đau mà cả bố và mẹ đều tham gia bảo hiểm xã hội thì chỉ một người được hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội trong thời gian nghỉ việc để chăm sóc con ốm đau. Thời gian tối đa được hưởng trợ cấp để chăm sóc con ốm đau như sau:

- 20 ngày trong một năm, đối với con dưới 3 tuổi;
- 15 ngày trong một năm, đối với con từ 3 tuổi đến dưới 7 tuổi".

2. Sửa đổi Điều 8 như sau:

"**Điều 8.** Nữ quân nhân, nữ công an nhân dân có thai, sinh con thì thời gian nghỉ việc theo các Điều 9, 10 Điều lệ này được hưởng trợ cấp thai sản".

3. Bổ sung Điều 22a như sau:

"**Điều 22a.** Chế độ nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe:

1. Quân nhân, công an nhân dân thuộc diện hưởng lương được hưởng chế độ nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe khi có một trong các điều kiện sau đây:

- Có đủ 3 năm đóng bảo hiểm xã hội trở lên mà bị suy giảm sức khỏe;
- Sau khi điều trị do ốm đau, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp mà chưa phục hồi sức khỏe;
- Nữ quân nhân, nữ công an nhân dân yếu sức khỏe sau khi nghỉ thai sản.

2. Quân nhân, công an nhân dân thuộc diện hưởng sinh hoạt phí sau khi điều trị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp mà sức khỏe chưa hồi phục được hưởng chế độ nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe.

3. Thời gian nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe từ 05 đến 10 ngày trong một năm tùy thuộc vào mức độ suy giảm sức khỏe của từng người; thời

gian này không bị trừ vào thời gian nghỉ hàng năm. Định mức nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe đối với quân nhân, công an nhân dân do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quy định sau khi trao đổi thống nhất với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính.

4. Kinh phí để thực hiện nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe do quỹ bảo hiểm xã hội bảo đảm bằng 0,6% tổng quỹ tiền lương thực đóng bảo hiểm xã hội được trích trong nguồn 5% tính trên tổng quỹ tiền lương thực đóng bảo hiểm xã hội của đơn vị, cơ quan, doanh nghiệp cho ba chế độ ốm đau, thai sản, tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp.

Bảo hiểm xã hội Việt Nam tổ chức quản lý, cấp và quyết toán kinh phí nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe cho Bộ Quốc phòng, Bộ Công an".

4. Sửa đổi khoản 4 Điều 23 như sau:

"Điều 23.

4. Đủ điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 36 Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam năm 1999 (áp dụng cho cả quân nhân chuyên nghiệp); Điều 23 Pháp lệnh về Lực lượng An ninh nhân dân Việt Nam; Điều 33 Pháp lệnh Lực lượng Cảnh sát nhân dân Việt Nam".

5. Sửa đổi, bổ sung các khoản 1, 2, 3 Điều 25 như sau:

"Điều 25.

1. Lương hưu hàng tháng tính theo số năm đóng bảo hiểm xã hội và mức bình quân của tiền lương tháng làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội như sau: đủ 15 năm tính bằng 45% mức bình quân của tiền lương tháng làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội quy định tại Điều 26 Điều lệ này; sau đó, cứ thêm mỗi năm đóng bảo hiểm xã hội được tính thêm 3% đối với nữ quân nhân, công an nhân dân và 2% đối với nam quân nhân, công an nhân dân. Mức lương hưu hàng tháng tối đa bằng 75% mức bình quân của tiền lương tháng làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội.

2. Đối với quân nhân, công an nhân dân hưởng chế độ hưu trí hàng tháng với mức lương hưu thấp theo quy định tại các khoản 1, 2 Điều 24 thì cách tính lương hưu như quy định tại khoản 1 Điều này, nhưng cứ mỗi năm nghỉ việc hưởng lương hưu trước tuổi so với quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều 23 thì giảm đi 1% mức bình quân của tiền lương tháng làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội.

Riêng đối với quân nhân, công an nhân dân nam đủ 50 tuổi trở lên đến dưới 55 tuổi, nữ đủ 45 tuổi trở lên đến dưới 50 tuổi và có thời gian đóng bảo hiểm xã hội đủ 30 năm trở lên thì khi nghỉ hưu được hưởng lương hưu như cách tính quy định tại khoản 1 Điều này, nhưng mỗi năm nghỉ việc hưởng lương hưu trước tuổi so với quy định tại khoản 1 Điều 23 không phải giảm 1% mức bình quân của tiền lương tháng làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội.

3. Ngoài lương hưu hàng tháng, nam quân nhân, công an nhân dân có thời gian đóng bảo hiểm xã hội trên 30 năm; nữ quân nhân, công an nhân dân có thời gian đóng bảo hiểm xã hội trên 25 năm, khi nghỉ hưu được trợ cấp một lần theo cách tính như sau: từ năm thứ 31 trở lên đối với nam quân nhân, công an nhân dân, từ năm thứ 26 trở lên đối với nữ quân nhân, công an nhân dân, mỗi năm đóng bảo hiểm xã hội được nhận bằng một nửa (1/2) tháng mức bình quân của tiền lương tháng làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội, nhưng tối đa không quá 5 tháng".

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 26 như sau:

"Điều 26.

1. Cách tính mức bình quân của tiền lương tháng làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội để làm cơ sở tính lương hưu hàng tháng, trợ cấp một lần khi nghỉ hưu quy định tại Điều 25 Điều lệ này là: tính bình quân các mức tiền lương tháng làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội trong 5 năm cuối trước khi nghỉ hưu.

2. Quân nhân, công an nhân dân đã có thời gian đóng bảo hiểm xã hội đủ 15 năm trở lên theo các mức tiền lương thuộc công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm (theo Danh mục nghề do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành) mà chuyển sang làm công việc khác đóng bảo hiểm xã hội theo mức lương thấp hơn thì khi nghỉ hưu được lấy mức lương bình quân đóng bảo hiểm xã hội cao nhất của 5 năm liền kể làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm để làm cơ sở tính lương hưu.

3. Công an nhân dân có đủ 20 thâm niên trở lên, theo yêu cầu của tổ chức, chuyển sang công tác tại các cơ quan Đảng, Nhà nước, đoàn thể ngoài lực lượng công an, nếu khi nghỉ hưu có mức lương thấp hơn mức lương khi đang tại ngũ thì được lấy mức lương bình quân đóng bảo hiểm xã hội của 5 năm cuối cùng trước khi chuyển ra ngoài lực lượng công an để làm cơ sở tính lương hưu.

4. Công an nhân dân có đủ 15 đến dưới 20 thâm niên được chuyển sang công tác tại các cơ quan Đảng, Nhà nước, đoàn thể ngoài lực lượng công an hoặc công an nhân dân có đủ 20 thâm niên trở lên mà tự nguyện xin chuyển ra làm việc ngoài lực lượng công an, nếu có mức lương bình quân 5 năm cuối trước khi nghỉ hưu thấp hơn mức lương bình quân 5 năm khi đang tại ngũ, thì được lấy mức lương bình quân của 10 năm đóng bảo hiểm xã hội bao gồm 5 năm cuối trước khi chuyển ra ngoài lực lượng công an cộng với 5 năm cuối trước khi nghỉ hưu để làm cơ sở tính lương hưu.

5. Quân nhân chuyển ngành rồi mới nghỉ hưu được thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội quy định tại khoản 5 Điều 6 và Điều 7 Nghị định số 04/2001/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2001 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam năm 1999.

6. Người được tính lương hưu theo quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5 Điều này thì không được hưởng trợ cấp hàng tháng theo quy định tại Điều 3 Quyết định số 812/TTg ngày 12 tháng 12 năm 1995 của Thủ tướng Chính phủ".

7. Sửa đổi, bổ sung Điều 27 như sau:

"Điều 27.

1. Quân nhân khi phục viên (kể cả những trường hợp đã phục viên không quá 1 năm) và công an nhân dân khi xuất ngũ, đã có đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội trở lên nhưng chưa đủ điều kiện để hưởng chế độ hưu trí theo quy định tại Điều 23 hoặc các khoản 1,2 Điều 24 Điều lệ này thì được hưởng trợ cấp phục viên, xuất ngũ do quỹ bảo hiểm xã hội chi trả; nếu tự nguyện không hưởng khoản trợ cấp phục viên, xuất ngũ nói trên thì được chờ đến khi đủ tuổi để hưởng chế độ hưu trí hàng tháng hoặc được bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm xã hội để khi có điều kiện thì tiếp tục đóng bảo hiểm xã hội.

2. Quân nhân khi phục viên, công an nhân dân khi xuất ngũ nhưng chưa đủ tuổi nghỉ hưu và chưa đủ thời gian đóng bảo hiểm xã hội theo quy định tại các Điều 23 và Điều 24 Điều lệ này, nếu có nguyện vọng chưa nhận trợ cấp phục viên, xuất ngũ từ quỹ bảo hiểm xã hội thì được cấp sổ bảo hiểm xã hội và được bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm xã hội để khi có điều kiện thì tiếp tục đóng bảo hiểm xã hội".

8. Sửa đổi khoản 1 Điều 33 như sau:

"Điều 33.

1. Mức tiền tuất một lần đối với gia đình của quân nhân, công an nhân dân tại ngũ (kể cả trường hợp quy định tại Điều 27 Điều lệ này) chết, tính theo thời gian đã đóng bảo hiểm xã hội, cứ mỗi năm tính bằng nửa (1/2) tháng mức bình quân của tiền lương tháng làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội trong 5 năm cuối trước khi chết, quy định tại Điều 26 Điều lệ này, nhưng tối đa không quá 12 tháng. Đối với quân nhân, công an

nhân dân hưởng sinh hoạt phí thì tính theo mức lương ấn định bằng hai lần lương tối thiểu/tháng. Mức trợ cấp tuất một lần của quân nhân, công an nhân dân thấp nhất bằng 6 tháng tiền lương tối thiểu".

9. Bổ sung thêm Điều 33a như sau:

"Điều 33a. Cách tính thời gian đóng bảo hiểm xã hội để giải quyết chế độ được quy định như sau: có thời gian đóng bảo hiểm xã hội từ đủ 3 tháng đến 6 tháng được tính là nửa (1/2) năm; từ trên 6 tháng được tính tròn là 1 năm".

10. Bổ sung thêm khoản 4 vào Điều 34 như sau:

"Điều 34.

4. Tiên sinh lời của quỹ".

11. Sửa đổi, bổ sung Điều 35 như sau:

"Điều 35.

1. Hàng tháng, cơ quan tài chính quân đội, công an có trách nhiệm đóng bảo hiểm xã hội theo quy định tại khoản 1 Điều 34 và trích từ tiền lương của quân nhân, công an nhân dân (kể cả những người được Bộ Quốc phòng, Bộ Công an cử ra làm việc tại các cơ quan, đơn vị, các tổ chức kinh tế ngoài quân đội, công an nhưng vẫn thuộc quân số do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quản lý) theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Điều lệ này để đóng cùng một lúc vào quỹ bảo hiểm xã hội. Tiền lương tháng làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội bao gồm lương cấp hàm hoặc lương ngạch, bậc và các khoản phụ cấp thâm niên, khu vực, chức vụ, đất đỏ và hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có).

2. Thời gian nữ quân nhân, nữ công an nhân dân nghỉ việc trước và sau khi sinh con theo quy định tại Điều 9, Điều 10 và thời gian quân nhân, công an nhân dân nghỉ việc để nuôi con nuôi sơ sinh theo quy định tại Điều 11 được tính là thời gian để hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội. Trong thời gian nghỉ này, quân nhân, công an

nhân dân và Bộ Quốc phòng, Bộ Công an không phải đóng bảo hiểm xã hội mà do quỹ bảo hiểm xã hội bảo đảm".

Điều 2. Thay thế các cụm từ "Bộ Nội vụ" quy định tại Nghị định số 45/CP ngày 15 tháng 7 năm 1995 bằng cụm từ "Bộ Công an".

Điều 3. Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15, kể từ ngày đăng Công báo.

1. Bãi bỏ Nghị định số 94/1999/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 1999 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ Bảo hiểm xã hội đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ Quân đội nhân dân và Công an nhân dân ban hành kèm theo Nghị định số 45/CP ngày 15 tháng 7 năm 1995 của Chính phủ.

2. Quân nhân, công an nhân dân bắt đầu hưởng chế độ trợ cấp bảo hiểm xã hội từ ngày 01 tháng 01 năm 2003 trở đi cũng được áp dụng thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

Không tính lại chế độ bảo hiểm xã hội cho các đối tượng hưởng bảo hiểm xã hội trước ngày 01 tháng 01 năm 2003.

Điều 4. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Công an chịu trách nhiệm hướng dẫn thực hiện Nghị định này sau khi trao đổi với Bộ Tài chính.

Điều 5. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. Chính phủ

KT. Thủ tướng

Phó Thủ tướng

NGUYỄN TẤN DŨNG